TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04/8/2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Siu Thun Phrâo.

Bà Ksor H'Séo.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thành Long, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 119/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kiều Ánh N, sinh ngày 15/12/2000, số định danh cá nhân 064300002726; địa chỉ: Thôn E, xã I, tỉnh Gia Lai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Từ Minh K, sinh ngày 17/7/1994, số định danh cá nhân 064094007928; địa chỉ: Thôn A (nay là làng L), xã B, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Kiều Ánh N:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Kiều Ánh N và anh Từ Minh K đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94 ngày 10/10/2023 của UBND xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã I, tỉnh Gia Lai). Hôn nhân của anh chị là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Khi đến với nhau, anh chị có chung mục đích là xây dựng đời sống vợ chồng hòa thuận, ấm no hạnh phúc. Tuy nhiên, trong

quá trình chung sống, vợ chồng dần phát sinh những mâu thuẫn không thể giải quyết được. Nguyên nhân do anh K có quan hệ tình cảm, ngoại tình với người phụ nữ khác, vợ chồng từ đó dần mất niềm tin vào nhau. Cả hai đã chủ động trao đổi và cũng được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 7/2025 đến nay, chị N và anh K đã ly thân, không còn sống chung với nhau, chị N về nhà bố mẹ tại Thôn E, xã I, tỉnh Gia Lai sinh sống, còn anh K sinh sống, làm việc tại Thôn A, xã B, tỉnh Gia Lai. Từ thời gian này, chị N và anh K không còn nói chuyện, không quan tâm, chia sẻ với nhau nữa. Do không thể chịu được cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn như vậy nên chị N đã yêu cầu anh K làm đơn thuận tình ly hôn nhưng anh K không phối hợp. Nay chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh K.

Về nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống, chị N và anh K không có con chung, không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung nên chị N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Ý kiến, yêu cầu của bị đơn anh Từ Minh K:

Anh Từ Minh K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, không có ý kiến, yêu cầu đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kiều Ánh N.

3. Diễn biến phiên tòa:

3.1. Phiên tòa không diễn ra phần tranh tụng vì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự tại phiên tòa.

3.2. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kiều Ánh N. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị N được ly hôn anh Từ Minh K. Về nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung: Trong thời gian chung sống, chị N và anh K không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không giải quyết. Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Kiều Ánh N khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Từ Minh K, cư trú tại Thôn A (nay là làng L), xã B, tỉnh Gia Lai. Căn cứ khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, quan hệ tranh chấp của vụ án là "Ly hôn" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai.

[2] Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh K tại phiên tòa.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của chị N: Chị N và anh K đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94 ngày 10/10/2023 của UBND xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã I, tỉnh Gia Lai). Tại thời điểm kết hôn, chị N và anh K đều đủ tuổi, tự nguyện quyết định việc kết hôn, không bị mất năng lực hành vi dân sự và không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn, việc kết hôn được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quan hệ giữa vợ và chồng.

[4] Theo lời trình bày của chị N thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc chị N yêu cầu ly hôn là do anh K có quan hệ tình cảm, ngoại tình với người phụ nữ khác, vợ chồng từ đó dần mất niềm tin vào nhau. Cả hai đã chủ động trao đổi và cũng được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 7/2025 đến nay, chị N và anh K đã ly thân, không còn sống chung, không nói chuyện, không quan tâm, chia sẻ với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh K không tham gia tố tụng, không phản đối yêu cầu khởi kiện và nội dung trình bày của chị N nên căn cứ Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa chị N và anh K như chị N đã trình bày là có thật và không phải chứng minh.

[5] Anh Khoa đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không chấp hành quyền, nghĩa vụ của đương sự, cố tình vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, để mặc chị N tham gia tố tụng, thể hiện thái độ thờ ơ, vô trách nhiệm, không có ý thức hòa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm với chị N. Về phía chị N, mặc dù đã được Tòa án phân tích, hòa giải nhưng chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, quyết tâm chấm dứt quan hệ hôn nhân vì xác định mâu thuẫn của hai bên đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn tình cảm với anh K. Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được

ly hôn anh K.

[6] Về nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị N và anh K không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết các vấn đề này.

[7] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Kiều Ánh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Kiều Ánh N được ly hôn anh Từ Minh K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 94 ngày 10/10/2023 của UBND xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã I, tỉnh Gia Lai) hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Kiều Ánh N chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004333 ngày 04/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 11 - Gia Lai;
- PTHADS Khu vực 11 - Gia Lai;
- UBND xã Ia Băng, tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Võ Tiến Sỹ